

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-7-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- *Tùng phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thi

Bà Nguyễn Thị Tươi

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình C sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Thôn C, xã Đặng C, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị D sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Thôn Chiến Thắng, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Đình C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị D kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong, huyện An Dương năm 2000. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận,

hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị D.

Về con chung: Anh C và chị D có hai con là Nguyễn Ngọc Đ sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Thu H sinh năm 2009. Khi ly hôn anh C để cho chị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Thu H; con Nguyễn Ngọc Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động anh không yêu cầu giải quyết. Anh C cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Thu H với chị D 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 12 hằng tháng.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lê Thị D trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh C về thời điểm kết hôn, về con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì mâu thuẫn do anh C không quan tâm gia đình, nhiều lần đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được Hội phụ nữ hòa giải nhưng không có kết quả; chị D không đồng ý ly hôn anh C. Chị D và anh C có hai con chung là Nguyễn Ngọc Đ sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Thu H sinh năm 2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị D đồng ý nhận nuôi con Nguyễn Thị Thu H; đồng ý anh C thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng và được thực hiện định kỳ vào ngày 12 hằng tháng. Con Nguyễn Ngọc Đ đã trưởng thành chị D không yêu cầu giải quyết. Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đình C và chị Lê Thị D; giao con Nguyễn Thị Thu H cho chị D nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị H 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền về cấp dưỡng nuôi con chung, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh C và chị D được Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong, huyện An Dương cấp Giấy đăng ký kết hôn số 14 ngày 08/3/2000 nên hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, xảy ra bạo lực gia đình. Vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đình C đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; cần giải quyết cho các bên được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh C và chị D có con chung như trình bày ở trên là đúng. Việc anh C, chị D thỏa thuận chị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Thu H trong trường hợp vợ chồng ly hôn là tự nguyện, bảo đảm được lợi ích toàn diện, phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu H. Vậy cần giao con Nguyễn Thị Thu H cho chị D nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Con Nguyễn Ngọc Đ đã trưởng thành, các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc anh C, chị D thỏa thuận anh C cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Thu H với chị D 3.000.000 đồng/tháng, thực hiện định kỳ vào ngày 12 hằng tháng là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh C, chị D không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đình C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 92 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đình C và chị Lê Thị D.

Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 15/4/2009 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đình C cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Thu H với chị Lê Thị D 3.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 8/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày ngày 12 hằng tháng.

Về tài sản chung: Anh C, chị D không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cộng thành 600.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng biên lai số 0013092 ngày 01/4/2021. Anh Nguyễn Đình C còn phải nộp 300.000 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- UBND xã Hồng Phong, h. An Dương  
(Giấy ĐKKH số 14 ngày 08/3/2000);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**